

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP
Số: 190/QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (điều chỉnh lần 1).

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 369/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thành lập Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-STP ngày 09/3/2026 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 (điều chỉnh lần 01) cho Văn phòng Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 Thành phố Hồ Chí Minh theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng các Phòng chuyên môn liên quan và các Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc;
- Các Phòng chuyên môn thuộc STP;
- Ban Biên tập TTĐT (để đăng tin);
- Lưu: VT, VP(KT).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Vũ

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Điều chỉnh lần 01)



Đơn vị sử dụng ngân sách: **VĂN PHÒNG SỞ TƯ PHÁP TP HCM**

Mã số ĐVQHNS: **1075715**
Mã KBNN nơi giao dịch: **0111**
Chương **414** Loại **340** Khoản **341**

(Đính kèm theo Quyết định số 190/QĐ-STP ngày 09/3/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Dự toán điều chỉnh lần 1	Tổng cộng
A	B	C	1	2	3=1+2
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		67.662	252	67.914
1	Sự nghiệp khoa học và công nghệ		0		0
2	Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế		0		0
3	Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		67.662	252	67.914
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		31.059	0	31.059
a	Chi từ ngân sách Thành phố		24.137		24.137
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		6.922		6.922
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		36.603	252	36.855
a	Chi từ ngân sách Thành phố		17.331	252	17.583
1	KP bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn		253		253
2	KP hoạt động ISO		65		65
3	Trợ cấp thôi việc theo ND170/2025/NĐ-CP		200		200
4	KP cho công tác phổ biến GDPL		1.648		1.648
5	KP kiểm tra, rà soát văn bản		457		457
6	KP theo dõi thi hành PL, công tác bồi thường NN, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC (theo chỉ đạo của UBND TP)		202		202
7	KP bồi dưỡng Giám định viên tư pháp		9.188		9.188
8	KP tổ chức Hội nghị PL		212		212
9	KP nghiệp vụ giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài		324		324
10	KP phục vụ công tác thu P-LP		137		137
11	KP tham gia các vụ kiện		3		3
12	KP xây dựng và thẩm tra báo cáo cho văn bản QPPL (dự kiến 4 QĐ và 1 NQ)		526		526
13	KP hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo NQ24/2025 (3 PGĐ, 21 CV)		1.498		1.498
14	KP chi chế độ chính sách cho người tham gia xây dựng PL theo NQ197/2025/QH15		2.618		2.618
15	KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031			252	252
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		19.272	0	19.272
1	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, NQ 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025		18.139		18.139
2	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ		1.133		1.133

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Dự toán điều chỉnh lần 1	Tổng cộng
A	B	C	1	2	3=1+2

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.
- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách Thành phố và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tính gián biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Điều chỉnh lần 1:

- Bổ sung dự toán KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 cơ sở, số tiền: 252.198.000 đồng (theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)/.

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Điều chỉnh lần 01)



Đơn vị sử dụng ngân sách: **Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước TPHCM**

Mã số ĐVQHNS: **1073100**

KBNN nơi giao dịch: **KBNN Khu vực II- Phòng giao dịch số 10**

Chương 414 Loại 280 Khoản 338

(Đính kèm theo Quyết định số 190/QĐ-STP ngày 09/3/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026 (sau hợp nhất)
A	B	C	I
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		30.159
1	Sự nghiệp khoa học và công nghệ		0
2	Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế	338	30.159
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0
a	Chi từ ngân sách Thành phố		
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		18.498
a	Chi từ ngân sách Thành phố	12	10.420
1	Phụ cấp trách nhiệm Trợ giúp viên pháp lý (25%)		669
2	Tập huấn công tác TGPL trong hoạt động tổ tụng		79
3	Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật		147
4	Thù lao TGV, LS tham gia tố tụng (KP nghiệp vụ đặc thù TGPL)		8.909
5	KP trang phục cho trợ giúp viên pháp lý		160
6	Trợ cấp thôi việc		50
7	KP tổ chức HN tập huấn kỹ năng TGPL		52
8	In bìa hs, sổ theo dõi vụ việc TGPL		8
9	Hỗ trợ tiền nhà ở theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025		346

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026 (sau hợp nhất)
A	B	C	I
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		8.078
10	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, NQ 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025	14	7.588
11	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18	490
2.3	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ: do đơn vị (sau hợp nhất) chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quyền tự chủ tài chính năm 2026		11.661
a	Chi từ ngân sách Thành phố		9.126
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		2.535
3	Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		0

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách Thành phố và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành./.

Điều chỉnh lần 1:

Điều chỉnh chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1) cho Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND Thành phố)/.



CÔNG KHAI CHỈ TIÊU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước TPHCM

Mã số ĐVQHNS: 1073100

(Đính kèm theo Quyết định số 190/QĐ-STP ngày 09/3/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT	Tổng số	Dự toán đầu năm 2026 trước sắp xếp			Dự toán năm 2026 (Sau hợp nhất)
				TT. Trợ giúp PLNN số 1 C414- K338	TT. Trợ giúp PLNN số 2 C414- K338	TT. Trợ giúp PLNN số 3 C414- K338	TT. Trợ giúp PLNN TPHCM C414- K338
A	B	C	I	2	3	4	5
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		0	0	0	0	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		0	-13.109	-9.640	-7.410	30.159
1	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	121	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0				
2	Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế	338	0	-13.109	-9.640	-7.410	30.159
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0	0
a	Chi từ ngân sách Thành phố		0				
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		0				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	-8.061	-5.532	-4.905	18.498
a	Chi từ ngân sách Thành phố	12	0	-4.573	-2.787	-3.060	10.420
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		0	-3.488	-2.745	-1.845	8.078
	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội	14	0	-3.274	-2.578	-1.736	7.588
	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18	0	-214	-167	-109	490
2.3	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ: do đơn vị chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quyền tự chủ tài chính năm 2026		0	-5.048	-4.108	-2.505	11.661
a	Chi từ ngân sách Thành phố	12	0	-3.940	-3.241	-1.945	9.126
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp	14	0	-1.108	-867	-560	2.535
3	Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	341	0				
III	Mã đơn vị sử dụng NSNN			1073100	1032371	1017261	1073100
IV	Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (TABMIS)			KBNN KV II- Phòng Giao dịch số 10	KBNN KV II- Phòng Giao dịch số 17	KBNN KV II- Phòng Giao dịch số 12	KBNN KV II- Phòng Giao dịch số 10
	Mã KBNN nơi Đơn vị giao dịch			0112	0143	0138	0112